***Địa lí:* DÂN CƯ VÀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT Ở**

 **VÙNG ĐỒNG BẰNG BẮC BỘ (TIẾT 1)**

*Tiết 21*

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù**

– Nhận thức khoa học Lịch sử và Địa lí

+ Trình bày được một số đặc điểm về dân cư của vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

+ Kể được tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

- Tìm hiểu lịch sử và địa lí: nhận xét và giải thích được ở mức độ đơn giản sự phân bố dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ thông qua bản đồ hoặc lược đồ phân bố dân cư.

**2. Năng lực chung:**

– Năng lực tự chủ và tự học: chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tự tin trao đổi với thành viên nhóm cũng như trình bày trước lớp. – Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: thu thập thông tin, thể hiện sự quan tâm, thắc mắc về các vấn đề của vùng Đồng bằng Bắc Bộ từ đó so sánh đến địa phương, đánh giá vấn đề trên quan điểm cá nhân và đưa ra phương án giải quyết nếu có.

**3. Phẩm chất:**

– Yêu nước thể hiện tình yêu Tổ quốc qua việc tự hào về các sản vật của vùng Đông bằng Bắc Bộ. – Chăm chỉ chủ động học tập, tìm hiểu về vùng Đồng bằng Bắc Bộ – vùng đất trù phú, giàu bản sắc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

Giáo viên: Bài giảng điện tử, trang, ảnh, lược đồ minh họa (sgk Trang 37;38)

Học sinh: Sách giáo khoa, bảng con, bút lông, ...

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| 5 phút12 phút16 phút2 phút | **1. Khởi động**- GV cho Hs xem đoạn clip về dân cư vùng Đồng bằng Bắc Bộ ( Nội dung thể hiện một số đặc điểm dân cư của vùng)- GV yêu cầu Hs trong khi xem suy nghĩ để trả lời câu hỏi: • Em có nhận xét gì về số dân của vùng Đồng bằng Bắc Bộ?\* Dân cư ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ tập trung dông tại khu vực nào? Vì sao?- GV giới thiệu cho HS về các yêu cầu cần đạt của bài học - GV dẫn dắt HS vào bài học**2. Hình thành kiến thức****Hoạt động 1: Trò chơi “Trí nhớ siêu đẳng”.**Bước 1. GV yêu cầu HS quan sát lược đồ hình 3 trong SGK, đọc thông tin để tham gia trò chơi “Trí nhớ siêu đẳng”.Bước 2. GV thông báo thể lệ và đọc các câu hỏi để HS tham gia trò chơi.*Quan sát hình 3 và đọc thông tin, em hãy:**- Kể tên một số dân tộc ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.**- Người dân tộc nào chiếm số lượng lớn nhất?* Bước 3: GV đọc to câu hỏi, các HS ghi nhanh kết quả lên bảng và giơ đáp án.Bước 4: GV tổng kết điểm thi đua. Nhận xét, tuyên dương. **Hoạt động 2: Thảo luận nhóm** **Bước 1:** GV chia nhóm, giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi: *1. Xác định trên lược đồ các khu vực có mật độ dân số dưới 1000 người/ km, từ 1000 – 2000 người/km và trên 2000 người/km của vùng Đồng bằng Bắc Bộ và cho biết:* Số dân năm 2020 của vùng là bao nhiêu? – Tỉnh nào có mật độ trung bình dưới 1.000 người/$km^{2}$Trên 2 000 người/$km^{2}$*– Mật độ dân số trung bình của vùng là bao nhiêu?**– Giải thích vì sao vùng Đồng bằng Bắc Bộ có dân cư tập trung đông đúc.**- Em có nhận xét gì về sự phân bố dân cư ở vúng Đồng bằng Bắc Bộ?*Bước 2. GV mời các đại diện nhóm, sử dụng hình 3 trong SGK để nêu đặc điểm dân cư của vùng. GV cũng mời các HS khác nhận xét và xung phong nhắc lại nội dung.Bước 3. GV chốt lại kiến thức và nhấn mạnh về đặc điểm dân cư của vùng.**3. Củng cố và nối tiếp**- Nhận xét tiết học- GV dặn dò HS chuẩn bị bài hôm sau: *Dân cư và hoạt động sản xuất vùng đồng bằng Bắc Bộ (Tiết 2)* | - Hs xem đoạn clip về dân cư vùng Đồng bằng Bắc Bộ (Nội dung thể hiện một số đặc điểm dân cư của vùng)- Trong khi xem HS suy nghĩ và tìm câu trả lời: - HS đọc mục tiêu bài học trong SGK. - HS lắng nghe, nhắc lại tên bài và ghi vở.- HS đọc và quan sát hình trong 3 phút để ghi nhớ thông tin.- HS gấp sách, dùng bảng con và phấn hoặc bút viết bảng để tham gia trò chơi.+ Kinh, Sán Dìu, Nùng, Dao, Tày, Thái,.. + Người Kinh có số lượng lớn nhất.- Viết tên các dân tộc của vùng (mỗi dân tộc ghi đúng được 1 điểm).- Hs hoạt động nhóm 4, thảo luận trả lời các câu hỏi+ Năm 2020, vùng có hơn 21 triệu người.+ Mật độ dân số trung bình của vùng lên đến 1431 người/$km^{2}$, gấp gần 5 lần mật độ trung bình của cả nước.+ Vùng Đồng bằng Bắc Bộ là nơi con người sinh sống lâu đời, địa hình khá bằng phẳng và đất đai màu mỡ nên có số dân đông. + Dân cư tập trung đông trong các đô thị. Hà Nội, Hải Phòng là hai thành phố đông dân của vùng và của cả nước. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………